

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Hữu Tiến**;

2. Ông **Nguyễn Văn Thả**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Đại Phụng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Chhinh Na R, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ E, ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Danh T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ A, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2024 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Chhinh Na R trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh D Tha chung sống vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu về đánh đập chị, mặc dù chị và chính quyền địa phương đã khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau. Nay

chị xét thấy vợ chồng không thể chung sống vợ chồng được nữa, nên yêu cầu được ly hôn với anh Danh T.

- Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Tha Hà N, sinh ngày 07/01/2015, đang sống cùng với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Danh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có lý do nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chhinh Na R đối với anh Danh T.

+ Về con chung: Giao cho chị C Na Riêm tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Buộc anh D Tha có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chhinh Na R không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Chị Chhinh Na R, anh Danh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị R là Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T là Bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị R, anh T.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị R khai nhận, chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 21/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do chị cung cấp.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị R khai nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu về đánh đập chị, mặc dù chị và chính quyền địa phương đã khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không có lời trình bày. Qua kết quả xác minh tại địa phương có đủ căn cứ xác định lời trình bày của chị R là có căn cứ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị R là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

[3.1] Anh chị **có một con chung là** Tha Hà N, sinh ngày 07/01/2015, đang sống với chị R. Nay chị R yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, hiện nay cháu N đang sống với chị R và có nguyện vọng được sống với chị R nên giao chị R tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị R **thấy rằng**, cháu N đang sống cùng chị R, chị R đang làm thuê có thu nhập không ổn định, cháu N đang học lớp 3 nên các nhu cầu thiết yếu về quá trình học tập, chăm sóc, nuôi dưỡng thì một mình chị R không đáp ứng được. Anh T không trực tiếp nuôi con, hằng ngày đi làm thuê có thu nhập nên cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chhinh Na R không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Chhinh Na R, anh Danh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tài phiên tòa phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chhinh Na R đối với anh Danh T. Chị Chhinh Na R được ly hôn với anh Danh T.

2. Về con chung: Giao cho chị C Na Riêm được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Tha Hà N, sinh ngày 07/01/2015. Buộc anh D Tha có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng từ tháng

10/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng anh T còn phải trả cho chị R số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chhinh Na R không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Chị Chhinh Na R phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006241 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Chhinh Na R đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Anh Danh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Báo cho chị R, anh T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung